
HIỆU QUẢ KINH TẾ CỦA MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU AN TOÀN TẠI HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Quang Phục
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế
Email: nqphuc@hce.edu.vn

Ngày nhận: 28/8/2020
Ngày nhận bản sửa: 16/10/2020
Ngày duyệt đăng: 05/11/2020

Tóm tắt:

Nghiên cứu này đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất rau an toàn tại huyện miền núi A Lưới thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. Phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study) đã được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình sản xuất rau an toàn trên địa bàn huyện A Lưới đem lại hiệu quả cao về kinh tế, tạo việc làm ổn định và khai thác được lợi thế về điều kiện tự nhiên cũng như kinh nghiệm trồng rau của chủ hộ. Đó là tín hiệu rất tích cực trong chuyển đổi mô hình sản xuất của người dân địa phương. Để nâng cao hiệu quả của mô hình cũng như nhân rộng mô hình sản xuất rau an toàn trong thời gian tới, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong giám sát kỹ thuật, đánh giá, tư vấn kịp thời cho các hộ đóng một vai trò quan trọng.

Từ khóa: Rau an toàn, hiệu quả kinh tế, miền núi, trách nhiệm.

Mã JEL: Q10, Q12.

The economic efficiency of the pilot safe vegetable production in A Luoi district, Thua Thien Hue province

Abstract:

This study assesses the economic efficiency of the pilot safe vegetable production in the mountainous of A Luoi, Thua Thien Hue. The case study method is used in this study. The results show that the safe vegetable production pilot in A Luoi district creates high economic efficiency, stable jobs; and exploits the advantage of natural conditions as well as experience of growing vegetables of the households. This is a very positive evidence in the production model transformation of the local people. In order to improve the effectiveness of the pilot as well as expanding the model safe vegetable production in the future, the responsibility of the local governments in technical supervision, assessment and timely consultation for households plays an important role.

Keywords: Safe vegetable, economic efficiency, mountainous areas, responsibility

JEL Codes: Q10, Q12.

1. Giới thiệu

Trong bữa ăn hàng ngày, rau là một trong những thực phẩm không thể thiếu được và đóng một vai trò quan trọng, bởi vì nó cung cấp cho cơ thể nhiều chất hoạt tính sinh học, đặc biệt là các muối khoáng có tính kiềm, vitamin, các chất pectin và axit hữu cơ. Vì vậy, người tiêu dùng khi lựa chọn rau không chỉ quan tâm đến chủng loại mà còn quan tâm đến chất lượng và sự an toàn của nó (Đào Duy Tâm, 2010; Lê Đức Công, 2018; Nguyễn Thu Trang, 2015). Vấn đề này trở nên quan trọng hơn mỗi khi mức sống của người dân ngày càng được nâng cao.

A Lưới, cách thành phố Huế 70 km, là một huyện miền núi có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh Thừa Thiên Huế (35,04%). A Lưới có điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng thuận lợi cho sản xuất các loại rau, quả phục

vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân. Theo báo cáo của chính quyền địa phương, diện tích trồng rau năm 2019 trên địa bàn huyện là 339,6 ha với sản lượng đạt 2305 tấn. Tuy nhiên, hiệu quả kinh tế trồng rau chưa cao, năng suất thấp, tổ chức tiêu thụ khó khăn, chưa khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế sẵn có của địa phương. Nguyên nhân của vấn đề này là do đa số người trồng rau là người dân tộc thiểu số (Tà Ôi, Cơ Tu và Vân Kiều), hạn chế về trình độ thâm canh và ứng dụng khoa học kỹ thuật. Ngoài ra, việc trồng rau của các hộ gia đình chủ yếu là tự phát, thiếu quy hoạch, thiếu sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và doanh nghiệp. Vì vậy, trồng rau truyền thống chưa thực sự góp phần nâng cao thu nhập và giảm nghèo cho người dân nơi đây (Phòng Nông nghiệp huyện A Lưới, 2019).

Từ thực tế trên, kể từ năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện A Lưới đã triển khai chương trình thí điểm mô hình trồng rau an toàn tại 3 địa phương, đó là thị trấn A Lưới, xã Sơn Thủy và xã A Ngo. Mô hình thu hút 6 hộ gia đình tham gia với tổng diện tích là 2598 m², bình quân mỗi hộ trồng 433m² rau an toàn. Kết quả đánh giá sơ bộ của Phòng Nông nghiệp cho thấy, so với trồng rau truyền thống, mô hình trồng rau an toàn có hệ số sử dụng đất cao, thân thiện với môi trường, năng suất ổn định và nhu cầu thị trường rất lớn (Phòng Nông nghiệp huyện A Lưới, 2017).

Để có đầy đủ các luận chứng khoa học về tính hiệu quả của mô hình, nghiên cứu này đã được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình trồng rau an toàn tại huyện A Lưới; trên cơ sở đó đề xuất các khuyến nghị chính sách cho địa phương nhằm phát triển mô hình này tại địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Điều 2 thông tư 59 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2012, 49) quy định “Rau, quả an toàn là sản phẩm rau, quả tươi được sản xuất, sơ chế, chế biến phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất, sơ chế rau, quả an toàn được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hoặc phù hợp với các quy định liên quan đến đảm bảo an toàn thực phẩm có trong quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau, quả tươi an toàn VietGAP, các tiêu chuẩn GAP khác và mẫu điển hình đạt các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định”. Cũng theo Thông tư này, người sản xuất rau an toàn phải được Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trong sản xuất rau an toàn và giấy chứng nhận có hiệu lực trong vòng 3 năm.

Điều kiện sản xuất rau an toàn phải theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với rau, quả trong sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc theo tiêu chuẩn VietGAP 2017 (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2017). Để đạt được tiêu chuẩn VietGAP, cơ sở sản xuất cần tuân theo các quy định sau đây:

- *Đất trồng*: Trồng rau ở khu vực cao, thoát nước tốt và phù hợp với quá trình sinh trưởng, phát triển của cây, không bị ô nhiễm;

- *Nước tưới*: Không bị ô nhiễm (không chứa kim loại nặng, hóa chất, vi sinh vật có hại....) và phải qua xử lý trước khi sử dụng;

- *Giống*: Cần lựa chọn những hạt giống và cây giống tốt, khỏe mạnh, không chứa mầm bệnh và có nguồn gốc rõ ràng;

- *Phân bón*: Ưu tiên sử dụng các loại phân hữu cơ hoai mục để bón cho rau; Sử dụng phân hóa học bón thúc vừa đủ theo yêu cầu của từng loại rau; Chỉ được phép thu hoạch sau khi bón phân ít nhất 15 ngày.

Phát triển sản xuất rau an toàn có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nó cung cấp thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng, thức ăn cho chăn nuôi, nguyên liệu cho chế biến và sản phẩm cho xuất khẩu, góp phần gia tăng sản lượng nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, tăng thu nhập cho nông dân, giải quyết việc làm cho người lao động, sử dụng có hiệu quả nguồn lực đất đai và điều kiện sinh thái (Đào Duy Tâm, 2010).

Chính vì vai trò quan trọng của rau an toàn, tại Việt Nam, trong những năm gần đây, vấn đề sản xuất rau an toàn đang được thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, cơ quan hoạch định chính sách và các tổ chức trong và ngoài nước.

Lê Đình Hải (2018) phân tích chuỗi giá trị rau bắp cải an toàn tại huyện Phúc Thọ, thành Phố Hà Nội. Nghiên cứu đã chỉ ra những hạn chế đó là quy mô sản xuất nhỏ lẻ, hệ thống nhà máy chế biến chưa được

hình thành, các mối liên kết còn lỏng lẻo. Chuỗi giá trị ngành hàng rau bắp cải an toàn gần như mang tính một chiều. Cùng chủ đề này, nghiên cứu đánh giá tính bền vững chuỗi rau an toàn rau an toàn Mộc Châu với thị trường tiêu thụ chính là thành phố Hà Nội chỉ ra rằng chuỗi rau an toàn Mộc Châu là tương đối bền vững nhưng còn nhiều yếu tố bất lợi ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của chuỗi. Đó là: Yếu tố thuộc về sản xuất, cơ sở hạ tầng; ứng dụng khoa học công nghệ; yếu tố thị trường; sự tương tác, liên kết giữa các tác nhân trong chuỗi; yếu tố tự nhiên; chủ trương chính sách của nhà nước (Lê Đức Công, 2018).

Võ Minh Sang & cộng sự (2016) đánh giá thực trạng và giải pháp thu hút nông hộ tham gia sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu chỉ ra rằng khoảng 40% nông hộ có tham gia sản xuất rau an toàn. nguyên nhân các hộ sản xuất rau chưa mặn mà chuyển sang sản xuất rau an toàn do: (1) Tính hiệu nhu cầu thị trường chưa rõ và không ổn định, chưa đảm bảo sự chắc chắn về ích lợi kinh tế cho nông hộ sản xuất rau an toàn; (2) Hạn chế về năng lực sản xuất rau an toàn và khả năng chuyển đổi sang sản xuất rau an toàn và (3) Chưa nhận thấy ích lợi kinh tế vượt trội và ích lợi xã hội về lâu dài khi chuyển sang sản xuất rau an toàn.

Các nghiên cứu trên, mặc dù đã chỉ ra được những thành công và hạn chế trong sản xuất rau an toàn tại các địa phương. Tuy nhiên, đa số các nghiên cứu chỉ thực hiện tại khu vực đo thị hoặc ven đô thị - nơi có lợi thế về giao thông, tiếp cận thị trường, tổ chức phân phối và khả năng áp dụng công nghệ. Trong khi đó, khu vực miền núi như huyện A Lưới, nơi có nguồn nhân lực dồi dào, điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển các vùng sản xuất rau thì ít có sự quan tâm của nhà nghiên cứu và các bên liên quan. Việc nghiên cứu mô hình sản xuất rau sạch ở nơi đây không những góp phần khai thác lợi thế so sánh của địa phương mà còn góp phần tạo việc làm, đa dạng hóa sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân.

3. Phương pháp nghiên cứu

Đây là mô hình thí điểm về trồng rau an toàn tại huyện miền núi A Lưới, các hộ tham gia mô hình có sự khác biệt về nguồn lực sản xuất. Vì vậy, tác giả áp dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study) để thu thập số liệu và phân tích sự khác biệt về hiệu quả kinh tế trong sản xuất rau an toàn giữa các hộ (Yin, 2009).

Số liệu thứ cấp được thu thập và tổng hợp từ các nghiên cứu trước đây, báo cáo kinh tế - xã hội của ngành và của địa phương, niên giám thông kê của huyện A Lưới và tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017-2019, các bài báo khoa học... nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về sản xuất rau an toàn. Đối với số liệu sơ cấp, tác giả đã sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi được thiết kế sẵn để thu thập thông tin về tình hình sản xuất rau an toàn của 6 hộ tham gia mô hình thí điểm. Ngoài ra, để so sánh hiệu quả về kinh tế của mô hình trồng rau an toàn so với mô hình trồng rau theo phương pháp truyền thống chúng tôi đã khảo sát 6 hộ trồng rau thường có sự tương đồng về diện tích tại địa bàn nghiên cứu để đối sánh.

Hiệu quả kinh tế trong nghiên cứu này được xác định bởi tỷ số giữa kết quả đạt được trong sản xuất rau an toàn và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả đó. Các chỉ tiêu sử dụng để đánh giá hiệu quả kinh tế bao gồm: giá trị sản xuất (GO), chi phí trung gian (IC), giá trị gia tăng (VA), thu nhập hỗn hợp (MI), hiệu suất chi phí trung gian theo giá trị sản xuất (GO/IC), hiệu suất chi phí trung gian theo giá trị tăng thêm (VA/IC), hiệu suất chi phí trung gian theo thu nhập hỗn hợp (MI/IC).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Khái quát về mô hình sản xuất rau an toàn tại huyện A Lưới

A Lưới, cách thành phố Huế 70 km, có điều kiện khí hậu (có độ cao trên 530m so với mặt nước biển, nhiệt độ trung bình năm là 22°C) và thổ nhưỡng thuận lợi cho việc phát triển các loại rau; nhưng hiện tại chủ yếu là trồng rau theo phương pháp truyền thống. Năm 2016, ủy ban nhân dân huyện A Lưới triển khai thí điểm mô hình trồng rau an toàn tại 3 địa phương: Thị trấn A Lưới, xã Sơn thủy và xã A Ngo. Mô hình trồng rau an toàn được thiết kế có mái che và lưới chắn côn trùng, áp dụng hệ thống tưới nước tự động, thâm canh rau đúng quy trình kỹ thuật nhằm thay đổi tập quán sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế trồng rau, bảo vệ môi trường và sức khỏe người tiêu dùng.

Những hộ được chọn tham gia mô hình rau an toàn phải đáp ứng các điều kiện: tự nguyện tham gia, có kinh nghiệm trồng rau, diện tích đủ rộng và bằng phẳng, có khả năng tiếp thu và ứng dụng kỹ thuật trồng rau, cam kết chuyển giao kỹ thuật cho người dân địa phương. Phòng Nông nghiệp huyện phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, thẩm định năng lực và điều kiện tham gia mô hình của các hộ gia đình có nhu cầu.

Kết quả, có 6 hộ đủ điều kiện tham gia mô hình với tổng diện tích là 2.600m², bình quân mỗi hộ 433m². Mô hình chủ yếu trồng hai nhóm rau an toàn: Nhóm 1 là các loại rau ăn lá bao gồm: cải các loại, xà lách, ngò, rau quế, rau thơm, hành, rau dền, mồng tơi. Nhóm 2 là các loại rau ăn quả bao gồm: dưa leo, cà chua, đậu cô ve, v.v...

Về kỹ thuật trồng rau an toàn, ủy ban nhân dân huyện giao Trạm Khuyến nông lâm ngư huyện hợp đồng trực tiếp với các xã, thị trấn để hướng dẫn kỹ thuật tại vườn rau của các hộ. Thiết kế hệ thống nhà kính gồm có mái che, trụ bê tông cốt thép, kèo bằng sắt chống rỉ, lưới rào che chắn côn trùng, lưới chống hiệu ứng nhà kính vào những thời điểm nắng nóng nhiệt độ trong nhà cao, hệ thống tưới phun sương. Mô hình chủ yếu sử dụng phân chuồng hoai mục, vôi xử lý đất, phân vi sinh và một ít phân hóa học, sử dụng những loại thuốc nằm trong danh mục cho phép của nhà nước.

Tổng kinh phí thực hiện thí điểm mô hình trồng rau an toàn là 390 triệu. Trong đó, Ủy ban Nhân dân huyện hỗ trợ 70% (300 triệu VND) và hộ tham gia đóng góp 30% (90 triệu VND). Đến giữa năm 2018, một hộ dừng tham gia mô hình rau an toàn và đã chuyển sang hoạt động kinh doanh khác. Lý do, hộ này xây dựng nhà kính không đúng kỹ thuật làm tăng hiệu ứng nhà kính dẫn đến năng suất thấp, hiệu quả kinh tế không cao.

4.2. Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất rau an toàn

4.2.1. Hộ gia đình ông Trần Vũ

Trần Vũ, 27 tuổi, là người dân tộc kinh và tốt nghiệp chuyên ngành công tác xã hội Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Gia đình ông có 4 nhân khẩu (trong đó có 2 lao động tham gia sản xuất rau an toàn), có hơn 15 năm kinh nghiệm trồng rau theo phương pháp truyền thống. Với 2000 m² đất nông nghiệp, ông đã dành 800 m² để sản xuất rau an toàn. Tổng vốn đầu tư ban đầu vào mô hình rau an toàn là 140 triệu VND, trong đó Ủy ban Nhân dân huyện hỗ trợ 50 triệu VND. Hộ đã đầu tư xây dựng nhà kính giá trị 100 triệu VND, lắp đặt hệ thống tưới phun sương giá trị 25 triệu VND, mua bạt nilong giá trị 12 triệu VND và 3 triệu VND để mua dụng cụ sản xuất khác.

Kết quả phân tích ở Bảng 1 cho thấy, sản xuất rau an toàn của gia đình ông Trần Vũ có hiệu quả kinh tế tương đối cao. Trồng hành lá đem lại giá trị sản xuất, thu nhập hỗn hợp và giá trị gia tăng cao nhất còn thấp nhất là trồng rau dền. Về chỉ số hiệu quả kinh tế (VA/IC, GO/IC, MI/IC), rau mồng tơi mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, tiếp đến là rau dền, xà lách, hành lá, và thấp nhất là trồng cải mầm.

Bảng 1: Hiệu quả kinh tế sản xuất rau an toàn của hộ ông Trần Vũ

(Tính bình quân một lứa/m²)

Chỉ tiêu	ĐVT	Xà lách	Cải mầm	Hành lá	Rau dền	Mồng tơi
Sản lượng	Kg	1,40	2,00	3,00	1,33	1,33
Giá trị sản xuất (GO)	VND	28.000	30.000	60.000	23.275	23.940
Chi phí trung gian (IC)	VND	3.220	3.770	8.420	2.670	2.570
- Giống	VND	300	2.500	6.000	1.100	1.000
- Phân bón NPK	VND	2.500	1.000	2.000	1.200	1.200
- Vôi	VND	70	70	70	70	70
- Điện, nước	VND	150	100	200	100	100
- Chi phí khác	VND	200	100	150	200	200
Giá trị gia tăng (VA)	VND	24.780	26.230	51.580	20.605	21.370
Khấu hao	VND	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
Tổng chi phí vật chất	VND	5.720	6.270	10.920	5.170	5.070
Thu nhập hỗn hợp (MI)	VND	22.280	23.730	49.080	18.105	18.870
GO/IC	Lần	8,70	7,69	7,13	8,72	9,32
VA/IC	Lần	7,70	6,69	6,13	7,72	8,32
MI/IC	Lần	6,92	6,29	5,83	6,78	7,34

Nguồn: Số liệu điều tra hộ (2020).

Bảng 2: Hiệu quả kinh tế sản xuất rau an toàn của hộ ông Hoàng Cư
(Tính bình quân một lứa/m²)

Chỉ tiêu	ĐVT	Cải mầm
Sản lượng	Kg	1,2
Giá trị sản xuất (GO)	VND	18.000
Chi phí trung gian (IC)	VND	2.950
- Giống	VND	1.600
- Phân bón NPK	VND	1.000
- Vôi	VND	100
- Điện, nước	VND	100
- Chi phí khác	VND	150
Giá trị gia tăng (VA)	VND	15.050
Khấu hao	VND	1.518
Tổng chi phí vật chất	VND	4.468
Thu nhập hỗn hợp (MI)	VND	13.531
GO/IC	Lần	6,10
VA/IC	Lần	5,10
MI/IC	Lần	4,59

(Kết quả điều tra hộ 2020).

4.2.2. Hộ gia đình ông Hoàng Cư

Gia đình ông Hoàng Cư có 4 nhân khẩu đều trong độ tuổi lao động, trong đó có 2 lao động tham gia sản xuất rau an toàn. Ông cư là người dân tộc kinh, 54 tuổi, tốt nghiệp tiểu học và có hơn 15 năm kinh nghiệm trồng rau theo phương pháp truyền thống. Ông đã dành 400m² trong số 1000m² đất nông nghiệp để trồng rau an toàn. Vốn đầu tư vào mô hình rau an toàn là 50 triệu VND, trong đó UBND huyện hỗ trợ 30 triệu VND. Hộ đã đầu tư xây dựng nhà kính giá trị 43 triệu VND, mua bạt nilong giá trị 5,5 triệu VND, mua dụng cụ sản xuất giá trị 1,5 triệu VND.

Bảng 3: Hiệu quả sản xuất rau an toàn của hộ ông Nguyễn Ánh
(Tính bình quân một lứa/1m²)

Chỉ tiêu	ĐVT	Cải mầm
Sản lượng	Kg	1,2
Giá trị sản xuất (GO)	VND	18.000
Chi phí trung gian (IC)	VND	2.830
- Giống	VND	1.800
- Phân bón NPK	VND	700
- Vôi	VND	80
- Điện, nước	VND	100
- Chi phí khác	VND	150
Giá trị gia tăng (VA)	VND	15.170
Khấu hao	VND	1.537
Tổng chi phí vật chất	VND	4.367
Thu nhập hỗn hợp (MI)	VND	13.633
GO/IC	Lần	6,36
VA/IC	Lần	5,36
MI/IC	Lần	4,82

(Kết quả điều tra hộ 2020).

Bảng 4: Hiệu quả sản xuất rau an toàn của hộ ông Trần Văn Lưu*(Tính bình quân một lứa/1m²)*

	ĐVT	Xà lách	Cải cây	Rau dền
Sản lượng	Kg	1,2	1,1	1,0
Giá trị sản xuất (GO)	Đồng	26.400	19.800	18.000
Chi phí trung gian (IC)	Đồng	2.880	2.030	2.180
- Giống	nt	400	350	1000
- Phân bón NPK	nt	2.000	1.200	800
- Vôi	nt	80	80	80
- Điện, nước	nt	200	200	150
- Khác	nt	200	200	150
Giá trị gia tăng (VA)	Đồng	23.520	17.770	15.820
Khấu hao	Đồng	1.712	1.712	1.712
Tổng chi phí vật chất	Đồng	4.592	3.742	3.892
Thu nhập hỗn hợp (MI)	Đồng	21.807	16.057	14.107
GO/IC	Lần	9,17	9,75	8,26
VA/IC	Lần	8,17	8,75	7,26
MI/IC	Lần	7,57	7,91	6,47

(Kết quả điều tra hộ 2020).

Khác với hộ ông Trần Vũ, ông Hoàng Cư chuyên trồng cải mầm an toàn, bởi vì theo ông cây cải mầm sản xuất quanh năm, 1 lứa nhà ông thu hoạch sau khoảng 12 ngày, tổng cộng có 20 lứa/năm. Gia đình ông sản xuất 400 m² cải mầm an toàn thu được 480 kg/lứa, năng suất 1,2 kg/m²/lứa. Khi được trồng trong nhà kính, cải mầm phát triển rất tốt và cho năng suất cao.

4.2.3. Hộ gia đình ông Nguyễn Ánh

Ông Nguyễn Ánh, chủ hộ, 55 tuổi là người dân tộc kinh và tốt nghiệp tiểu học. Gia đình ông có 5 nhân khẩu (trong đó có 2 lao động tham gia sản xuất rau an toàn) và có hơn 15 năm kinh nghiệm trồng rau theo phương pháp truyền thống. Diện tích đất nông nghiệp của gia đình là 1000m², trong đó diện tích sản xuất rau an toàn là 300m². Vốn đầu tư vào mô hình rau an toàn là 50 triệu VND, trong đó ủy ban nhân dân huyện hỗ trợ 35 triệu VND. Theo ông cây cải mầm sản xuất quanh năm, phù hợp với điều kiện tự nhiên, nhu cầu tiêu thụ lớn, hiệu quả kinh tế cao nên gia đình chủ yếu trồng cải mầm an toàn. Xét về hiệu quả kinh tế, cứ đầu tư 1 đồng chi phí trung gian trong sản xuất rau cải mầm hộ thu được 6,36 đồng giá trị sản xuất, 5,36 đồng giá trị gia tăng và 4,82 đồng thu nhập hỗn hợp.

4.2.4. Hộ gia đình ông Trần Văn Lưu

Ông Trần Văn Lưu, dân tộc kinh, 57 tuổi, tốt nghiệp trung học cơ sở, có 15 năm kinh nghiệm trồng rau, là một trong 6 hộ được Ủy ban Nhân dân huyện đầu tư phát triển mô hình sản xuất rau an toàn. Gia đình ông có 4 nhân khẩu đều trong độ tuổi lao động, trong đó 2 lao động tham gia sản xuất rau an toàn. Với diện tích 400m², gia đình ông trồng nhiều loại rau khác nhau như cải cây, xà lách, rau dền, rau ngò, cải cúc, dưa leo. Trong đó, xà lách, rau dền và cải cây có diện tích gieo trồng lớn nhất. Cải cây và rau dền thu hoạch nhiều lứa trong năm nhất với 7 lứa/năm, sản lượng tương ứng là 110 kg/lứa và 50 kg/lứa; tiếp đến là rau xà lách 5 lứa/năm với sản lượng là 180 kg/lứa.

Số liệu phân tích ở Bảng 4 cho thấy, sản xuất rau an toàn mang lại hiệu quả kinh tế khá cao. Cải cây có chỉ số hiệu quả kinh tế cao nhất, tiếp đến là rau xà lách và cuối cùng là rau dền. Đầu tư 1 đồng để sản xuất rau cải cây gia đình ông Lưu thu được 8,75 đồng giá trị gia tăng; chỉ số này đối với rau xà lách, rau dền tương ứng với 8,17 đồng giá trị gia tăng và 7,26 đồng giá trị gia tăng. Thu nhập từ rau an toàn đóng góp hơn 70% tổng thu nhập của gia đình.

4.2.5. Hộ gia đình ông Nguyễn Thảo

Hộ gia đình ông Nguyễn Thảo địa chỉ hiện tại ở xã Sơn Thủy, huyện A Lưới. Năm nay ông 63 tuổi, dân

Bảng 5: Kết quả và hiệu quả sản xuất rau an toàn của hộ ông Nguyễn Thảo
(*Tính bình quân một lứa/1m²*)

	ĐVT	Xà lách	Cải cây
Sản lượng	Kg	1,2	1,1
Giá trị sản xuất (GO)	VND	24.000	16.500
Chi phí trung gian (IC)	VND	2.700	1.700
- Giống	VND	350	350
- Phân bón NPK	VND	2.000	1.000
- Vôi	VND	50	50
- Điện, nước	VND	150	150
- Chi phí khác	VND	150	150
Giá trị gia tăng (VA)	VND	21.300	14.800
Khấu hao	VND	2.361	2.361
Tổng chi phí vật chất	VND	5.061	4.061
Thu nhập hỗn hợp (MI)	VND	18.939	12.439
GO/IC	Lần	8,89	9,71
VA/IC	Lần	7,89	8,71
MI/IC	Lần	7,01	7,32

(*Kết quả điều tra hộ 2020*).

tộc kinh, hoàn thành chương trình đào tạo bậc tiểu học. Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm trồng rau. Từ năm 2016, gia đình ông đã đầu tư 52 triệu VND vào mô hình trồng rau an toàn (chủ yếu là trồng xà lách và cải cây), trong đó ủy ban nhân dân huyện hỗ trợ 30 triệu VND.

Kết quả khảo sát cho thấy, cứ 1m² trồng rau xà lách gia đình ông thu hoạch được 1,2kg/lứa với tổng chi phí vật chất là 5.061 đồng/m². Với giá bán bình quân 20.000đ/kg, hộ thu được 24.000 đồng giá trị sản xuất, 18.939 đồng thu nhập hỗn hợp và 21.300 đồng giá trị gia tăng. Như vậy, cứ 1 đồng đầu tư vào sản xuất rau xà lách, ông Thảo thu được 8,89 đồng giá trị sản xuất (GO), 7,89 đồng giá trị gia tăng (VA) và 7,01 đồng thu nhập hỗn hợp (MI). Rau cải cây xem ra có hiệu quả kinh tế hơn rau xà lách, cứ 1 đồng đầu tư trồng rau cải cây, hộ thu lại 9,71 đồng giá trị sản xuất, 8,71 đồng giá trị gia tăng và 7,32 đồng thu nhập hỗn hợp.

Dù không đem lại hiệu quả cao như các hộ khác nhưng trồng rau an toàn đem lại thu nhập khá ổn định cho gia đình ông, đảm bảo sức khỏe cho người lao động và an toàn cho người tiêu dùng. Ông bán được từ 10-12 kg rau mỗi ngày và thu được 150.000 đồng/ngày. Sau khi trừ hết chi phí, mỗi tháng 2 vợ chồng và con ông cũng thu được khoảng 4-5 triệu VND, chiếm khoảng 31% tổng thu nhập của gia đình.

4.2.6. Hộ gia đình ông Văn Tác

Hộ gia đình ông Văn Tác địa chỉ hiện tại ở xã Sơn Thủy, huyện A Lưới. Năm nay ông 53 tuổi, dân tộc Tà Ôi, tốt nghiệp Tiểu học. Kinh nghiệm trồng rau của gia đình tính đến nay đã hơn 10 năm. Năm 2016 được sự hỗ trợ 30 triệu VND và được tập huấn kỹ thuật của UBND huyện, gia đình ông đã chuyển từ sản xuất rau thường sang sản xuất rau an toàn, nhưng đến đầu năm 2018 thì gia đình ông đã ngừng sản xuất và chuyển sang hoạt động kinh tế khác. Nguyên nhân thất bại là do xây dựng nhà kính trồng rau an toàn bị sai kỹ thuật, làm tăng hiệu ứng nhà kính làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển của rau, trong khi chi phí sửa chữa là khá lớn, gia đình không có khả năng chi trả. Hậu quả là năng suất và sản lượng rau giảm đáng kể.

4.3. So sánh hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất rau an toàn và sản xuất thường

Kết quả khảo sát mô hình sản xuất rau an toàn và sản xuất rau thường của các hộ gia đình ở huyện A Lưới, chúng ta thấy rằng: hộ nông dân áp dụng mô hình sản xuất rau an toàn mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với mô hình sản xuất rau thường, cụ thể là: Các tiêu chí như số lứa/năm, sản lượng, giá trị sản xuất ở Bảng 6 cho thấy, mô hình sản xuất rau an toàn có kết quả cao hơn mô hình sản xuất rau thường, đặc biệt là cây cải mầm và cải cây. Giá trị gia tăng trung bình 1 lứa trên 100 m² sản xuất cải mầm, xà lách theo mô hình an toàn lần lượt là 2.185 nghìn VND và 2.226 nghìn VND cao hơn sản xuất thông thường tương ứng là 1.364 nghìn VND và 1.025 nghìn VND. Mặc dù chi phí trung gian của mô hình sản xuất rau an toàn thấp hơn sản xuất rau

Bảng 6: So sánh hiệu quả sản xuất rau an toàn và rau thường
(Tính bình quân một lứa/100m²/năm)

(ĐVT: 1000đ)

Chỉ tiêu	Cải mầm		Chênh lệch	Xà lách		Chênh lệch	Cải cây		Chênh lệch
	RAT	RT	+/-	RAT	RT	+/-	RAT	RT	+/-
Số lứa	18,33	10	8,33	6	3	3	6,5	4,5	2
Sản lượng (kg)	176	900	56	126	83	43	110	116	-6
Giá bán	15,00	14,5	0,50	20,00	15,67	4,33	15,00	14,67	0,3
Giá trị SX	2.650	1.305	1.345	2.520	1.499	1.020	1.650	1.711	-61
Khấu hao	185	45	139	219	50	169	203	50	153
CP Trung gian	465	484	-19	293	298	-5	181	146	34
CP vật chất	650	530	120	512	348	164	385	196	188
TN hỗn hợp	1.999	775	1.224	2.007	1.151	855	1.264	1.514	-249
Giá trị gia tăng	2.185	820	1.364	2.226	1.201	1.025	1.468	1.564	-95
GO/IC (lần)	5,7	2,6	3,0	8,5	5,0	3,5	9,0	11,6	-2,5
VA/IC (lần)	4,7	1,6	3,0	7,5	4,0	3,5	8,0	10,6	-2,5
MI/IC (lần)	4,3	1,6	2,7	6,8	3,8	2,9	6,9	10,3	-3,3

(Kết quả điều tra hộ 2020).

thường, nhưng đầu tư ban đầu của mô hình rau an toàn cao hơn nhiều mô hình sản xuất rau thường. Vì vậy, tổng chi phí vật chất của mô hình sản xuất rau an toàn cao hơn nhiều so với mô hình sản xuất rau thường.

4.4. Tình hình tiêu thụ rau an toàn của các hộ tham gia mô hình

Quá trình khảo sát thực địa cho thấy, rau an toàn của các hộ tham gia mô hình chủ yếu tiêu thụ tại huyện A Lưới thông qua 4 kênh sau đây:

4.4.1. Kênh 1: Hộ sản xuất → Người tiêu dùng tại địa phương

Đối với kênh này, các hộ bán trực tiếp cho người mua tại vườn rau của gia đình, khách hàng chủ yếu là các hộ gia đình gần khu vực vườn rau. Tuy nhiên kênh này chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 10% trong việc tiêu thụ của từng hộ.

4.4.2. Kênh 2: Hộ sản xuất → Các nhà hàng, quán ăn ở địa phương

Rau tiêu thụ qua kênh này chủ yếu là rau ăn lá như cải mầm, xà lách, hành, ngò, dùng làm rau sống tại các nhà hàng, quán ăn tại địa phương. Các loại rau tiêu thụ theo kênh này là không bán riêng lẻ từng loại rau. Thay vào đó, sau khi thu hoạch, hộ trộn chung các loại rau lại với nhau thành rau sống để phân phối. Kênh này chiếm khoảng 35% trong việc tiêu thụ rau an toàn của từng hộ.

Hàng ngày, sau khi thu hoạch, hộ dùng xe máy để phân phối sản phẩm cho các nhà hàng, quán ăn. Mỗi địa điểm như vậy khách hàng thường nhập từ 3-5kg rau sống. Về giá cả, các loại rau có giá bán khác nhau nhưng khi bán chung nhiều loại rau với nhau làm rau sống thì giá có giá bán trung bình là 20.000 VND/kg. Hộ cam kết giữ nguyên giá bán cho cả năm, họ gọi đây là mô hình “bình ổn giá”.

4.4.3. Kênh 3: Hộ sản xuất → Người bán lẻ → Người tiêu dùng tại địa phương

Kênh này thường được áp dụng tiêu thụ các loại rau như rau xà lách, cải mầm, rau dền và mồng tơi. Kênh này chiếm khoảng 40% sản lượng tiêu thụ rau an toàn của các hộ, và đây là kênh khá quan trọng trong tiêu thụ rau của các hộ.

4.4.4. Kênh 4: Hộ sản xuất → Người bán buôn, thu gom → Người bán lẻ → Người tiêu dùng

Ở kênh này chuỗi cung ứng rau an toàn trải qua nhiều tác nhân hơn các kênh khác, bao gồm hộ sản xuất, người thu gom, người bán lẻ và người tiêu dùng. Kênh này chiếm khoảng 15% trong tổng sản lượng tiêu thụ

rau của các hộ. Sau khi thu hoạch, hộ đưa sản phẩm ra chợ để bán cho người bán buôn (thu gom). Người bán buôn phối lại cho người bán lẻ tại chợ hoặc thu gom lên xe tải cùng với các nhu yếu phẩm khác và vận chuyển đến địa phương khác thuộc huyện A Lưới.

5. Kết luận và những khuyến nghị chính sách

Nghiên cứu này chỉ ra rằng mô hình sản xuất rau an toàn trên địa bàn huyện A Lưới đem lại hiệu quả khá cao về kinh tế, tạo việc làm ổn định và khai thác được lợi thế về điều kiện tự nhiên cũng như kinh nghiệm trồng rau của chủ hộ. Một số loại rau thích nghi tốt, có giá trị kinh tế khá cao bao gồm cải mầm, xà lách, cải cây và rau dền. Đó là tín hiệu rất tích cực trong chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp tại huyện miền núi phía tây của tỉnh Thừa Thiên Huế. Vì vậy, chính quyền địa phương cần xem đây là một luận chứng quan trọng để có chính sách nhân rộng mô hình sản xuất rau an toàn trong thời gian tới. Trong 6 hộ tham gia mô hình có 4 hộ được xem là khá thành công, sản xuất ổn định, đa dạng chủng loại rau và hiệu quả kinh tế cao hơn. Có 2 hộ không mấy thành công trong áp dụng mô hình, dẫn đến sản xuất thiếu ổn định, thậm chí ngừng sản xuất rau an toàn. Nguyên nhân của vấn đề này là do hộ không tuân thủ quy trình kỹ thuật, làm theo kinh nghiệm, nhưng một phần là do thiếu sự giám sát của cơ quan chuyên môn cũng như chính quyền địa phương. Điều này cho thấy trách nhiệm của chính quyền địa phương trong giám sát kỹ thuật, đánh giá, tư vấn kịp thời cho các hộ đóng một vai trò quan trọng để nâng cao hiệu quả của mô hình. Ngoài ra, các cơ quan chức năng cần sớm đánh giá để cấp giấy chứng nhận là rau an toàn, hỗ trợ các hộ đầu tư bao bì và nhãn mác để nâng cao giá trị sản phẩm và cung cấp đầy đủ thông tin về sản phẩm cho người tiêu dùng. Đây là một điều kiện tiên quyết nếu địa phương muốn nhân rộng mô hình sản xuất rau an toàn trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Khoa học và Công nghệ (2017), *Tiêu chuẩn quốc gia về thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP) – Phần 1: Trồng trọt*, ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2017.
- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2012), *Thông tư 59/2012/TT-BNNPTNT quy định về quản lý sản xuất rau, quả, chè an toàn*, ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2012.
- Đào Duy Tâm (2010), ‘Nghiên cứu giải pháp phát triển bền vững rau an toàn ở Hà Nội’, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Lê Đình Hải (2018), ‘Phân tích chuỗi giá trị rau bắp cải an toàn tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội’, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, 3, 11-21.
- Lê Đức Công (2018) ‘Nghiên cứu đánh giá tính bền vững chuỗi rau an toàn Mộc Châu, Tạp chí Khoa học công nghệ nông nghiệp Việt Nam’, 5(90), 88-93.
- Nguyễn Thu Trang (2015), ‘Giải pháp phát triển sản xuất rau an toàn trên địa bàn huyện Quốc Oai, Hà Nội’, *Tạp chí khoa học và Công nghệ lâm nghiệp*, 2, 131-140.
- Phòng Nông nghiệp huyện A Lưới (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện mô hình trồng rau sạch năm 2016 của huyện A Lưới*, A Lưới – Thừa Thiên Huế.
- Phòng Nông nghiệp huyện A Lưới (2019), *Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp năm 2019 của huyện A Lưới*, A Lưới – Thừa Thiên Huế.
- Võ Minh Sang, Đoàn Hoài Nhân & Đỗ Văn Xê (2016), ‘Thực trạng và giải pháp thu hút nông hộ tham gia sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố Cần Thơ’, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 46d, 75-83.
- Yin, Robert K. (2009), *Case study research: Design and Methods*, SAGE Publication, Inc.